

Bản án số 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29-9-2025

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TUYỀN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Nguyệt

Bà Triệu Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyền Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2025 giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:* Bà Hạng Thị C, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh T. Căn cước công dân số 002177000626 cấp ngày 05/4/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.
- 2. Bị đơn:* Ông Ly Seo T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh T. Số định danh cá nhân 002074000549. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Nguyên đơn là bà Hạng Thị C trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hạng Thị C và ông Ly Seo T tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện X, tỉnh H, nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh T vào ngày 20/11/2006. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 06 đứa con sau đó khoảng vài năm nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không có được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã làm cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Mỗi khi cãi nhau là ông T uống rượu say rồi có đánh bà C nhiều lần. Sau khi bị đánh thì bà C đã nhờ anh em hai bên gia đình hòa giải cho vợ chồng và cũng đã được hai bên gia đình hòa giải cho vợ chồng nhưng sau khi hòa giải thì vợ chồng vẫn mâu thuẫn với nhau, ông T vẫn đánh bà C.

Hiện nay ông T bà C mỗi người sống một nơi, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Nay tình cảm không còn nên bà C xin được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà C và ông T có 06 người con chung là Ly Thị C1 sinh năm 1996, Ly Thị P sinh năm 1999, Ly Phong T1 sinh năm 2001, Ly Thị S sinh năm 2003, Ly Seo L sinh năm 2007 và Ly Seo T2, sinh năm 2007. Vì các con đã trưởng thành nên bà C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập ông T đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông T đều vắng mặt nên Tòa án đã xác minh sự vắng mặt của ông T và được Công an xã N cho biết ông T có hộ khẩu thường trú và sinh sống ở thôn N, xã N. Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông T không đến Tòa án làm việc và ông T cũng không có yêu cầu gì gửi đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà C, ông T tại chính quyền địa phương được biết: bà C và ông T đã đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N và chung sống cùng nhau. Quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn và ông T có đánh bà C nhiều lần, bà C không báo chính quyền thôn đến giải quyết vì sợ ông T đánh nhiều hơn. Cán bộ thôn có biết là vợ chồng bà C ông T đánh nhau nhưng vì bà C không báo thôn nên thôn không tiến hành hòa giải. Tuy nhiên sau nhiều lần bị đánh và phải nhập viện thì đến nay vợ chồng ông T và bà C đã không chung sống cùng nhau, bà C phải đi ở nhà nhà anh em vì sợ ông T đánh không dám ở cùng ông T nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án và nội dung vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 57, Điều 81,82,83,84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016//UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Hạng Thị C được ly hôn ông Ly Seo T. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu giải quyết; Về án phí: giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Hạng Thị C khởi kiện yêu cầu tranh chấp về ly hôn với ông Ly Seo T. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T đều vắng mặt. Sau khi có quyết định đưa vụ án xét xử, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt cho ông T theo quy định. Ông T

vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, Tòa án hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt trực tiếp quyết định hoãn phiên tòa cho ông T nhưng ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, các lời khai của nguyên đơn là bà Hạng Thị C và các biên bản xác minh tại xã N thấy rằng: Bà C và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện X vào năm 2006. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng có chung sống cùng nhau sau đó có phát sinh mâu thuẫn. Giữa bà C và ông T không có sự đồng cảm và sẻ chia với nhau trong cuộc sống. Vợ chồng có xảy ra bạo lực gia đình là ông T có đánh bà C nhiều lần và có lần đánh đến nỗi bà C phải đi bệnh viện điều trị. Giữa vợ chồng bà C và ông T nay không còn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc nhau, không chung sống cùng nhau, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.” Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hạng Thị C theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông T và bà C có 06 người con chung là Ly Thị C1 sinh năm 1996, Ly Thị P sinh năm 1999, Ly Phong T1 sinh năm 2001, Ly Thị S sinh năm 2003, Ly Seo L sinh năm 2007 và Ly Seo T2, sinh năm 2007. Do các con đã trưởng thành đủ 18 tuổi và đều có đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân và đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Hạng Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh T, theo biên lai số 0000338, ngày 12 tháng 8 năm 2025.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hạng Thị C. Tuyên xử cho bà Hạng Thị C được ly hôn ông Ly Seo T.

Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Hạng Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh T, theo biên lai số 0000338, ngày 12 tháng 8 năm 2025.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND Khu vực 6 - TQ;
- THADS tỉnh T;
- UBND xã Năm Dân; tỉnh T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

đã ký

Nguyễn Thị Khuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Hưởng

Hoàng Thị Nguyệt

Nguyễn Thị Khuyên

